

BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN
(Các xã thuộc huyện Khánh Vĩnh)

A. ĐẤT Ở

		Khung giá đất ở (đồng/m ²)		
Khu vực		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
Xã MN	1MN	45.000	35.000	30.000
	2MN	35.000	30.000	25.000

STT	TÊN XÃ	Giới hạn			Hệ số xã	Khu vực	Giá đất theo hệ số					
		Điểm đầu	Điểm cuối				Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3			
I	Xã Cầu Bà											
6	Đường nhựa	ngã ba quốc lộ 27C từ đất ông Mang Lanh (thửa 34, tờ 03)		Hết đất ông Hà Ri (thửa 06, tờ 09)	1,20	1MN	54.000	42.000	36.000			
VII	Xã Khánh Phú											
11	Đường bê tông Xi măng	đất bà Cao Thị Là Cảnh (thửa 102 tờ 09) và đất ông Cao Là Địa (thửa 109 tờ 09)		đất ông Cao Hiệp (thửa 64, 69 tờ 09)	1,60	2MN	56.000	48.000	40.000			
12	Đường Mang Na Di Là Nĩa	đất bà Cao Thị Ben (thửa 72 tờ 29) và đất ông Cao Hải (thửa 103 tờ 29)		đất ông Cao Là Nĩa (thửa 34, tờ 13) và đất ông Cao Là Niên (thửa 59 tờ 13)	1,60	2MN	56.000	48.000	40.000			
13	Đường bê tông Xi măng	đất ông Cao Hoàng (thửa 08 tờ 28) và đất ông Cao Xanh (thửa 60 tờ 10)		đất bà Cao Thị Dung (thửa 19 tờ 29)	1,60	2MN	56.000	48.000	40.000			
14	Đường bê tông Xi măng	đất ông Cao A No (thửa 186 tờ 21) và đất ông Lê Công Ra (thửa 15 tờ 24)		đất ông Cao Chiến (thửa 55 tờ 21) và đất ông Cao Xuân Niên (thửa 63 tờ 21)	1,60	2MN	56.000	48.000	40.000			
X	Xã Khánh Trung											
8	Đường dân sinh	Tỉnh lộ 8B (thửa 7, tờ 27)		đất ông Phan Minh Tài (thửa 64 tờ 16)	1,50	2MN	52.500	45.000	37.500			
9	Đường dân sinh	Nhà ông Mè Tây (thửa 35 tờ 11)		đất ông Hoàng Văn Thuận (thửa 48 tờ 11)	1,50	2MN	52.500	45.000	37.500			
10	Đường dân sinh	Nhà cộng đồng thôn Suối Lách (thửa 192, tờ 36)		đất ông Lục Văn Tăng (thửa 46 tờ 23)	1,50	1MN	67.500	52.500	45.000			
XI	Xã Liên Sang											
4	Đường dân sinh	Ngã tư Giang Ly - Liên Sang		Ngã ba đường quốc lộ 27C hết đất bà Xinh (thửa 54, tờ 16)	1,50	1MN	67.500	52.500	45.000			
5	Đường dân sinh	Ngã tư Giang Ly - Liên Sang		Ngã ba quốc lộ 27C hết đất ông Khánh (thửa 35, tờ 7)	1,50	1MN	67.500	52.500	45.000			

STT	TÊN XÃ	Giới hạn		Hệ số xã	Khu vực	Giá đất theo hệ số			
		Điểm đầu	Điểm cuối			Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	
XII	Xã Sơn Thái								
1	Đường dân sinh	Ngã 3 đường quốc lộ 27C từ đất ông Đặng (thửa 20, tờ 13)	Cầu treo thôn Giang Biên hết thửa đất 141 và 149, tờ BD 14	1,40	IMN	63.000	49.000	42.000	
2	Đường dân sinh	Ngã 3 đường quốc lộ 27C từ đất ông Châu (thửa 06, tờ 15)	Cầu Bến Lội 2, hết thửa đất 28 và 31, tờ BD 09	1,40	IMN	63.000	49.000	42.000	
3	Đường dân sinh	Ngã 3 đường quốc lộ 27C từ đất ông Ngai (thửa 121, tờ 13)	Ngã ba đường, hết đất bà Nhi (thửa 140, tờ 13) và ông Hân (thửa 110, tờ 13)	1,40	IMN	63.000	49.000	42.000	
4	Đường bê tông	Ngã 3 đường quốc lộ 27C từ đất bà Vạch (thửa 99, tờ 14)	Ngã ba, hết đất ông Phương (thửa 90, tờ 14) và đầu thửa đất ông Sơn (thửa 138, tờ 15)	1,40	IMN	63.000	49.000	42.000	
XIII	Xã Sông Cầu								
11	Đường bê tông xi măng	Nhà ông Nguyễn Văn Cận (thửa 68 tờ 12) và đất ông Kim Văn Huy (thửa 61 tờ 12)	đất rẫy ông Đặng Văn Ninh (thửa 45 tờ 13) và rẫy ông Tạ Quang Đăng (thửa 48 tờ 13)	1,80	IMN	81.000	63.000	54.000	
12	Đường bê tông xi măng	đất rẫy ông Trần Hữu Chuân (thửa 05 tờ 08)	đất rẫy ông Nguyễn Minh (thửa 09 tờ 08)	1,80	IMN	81.000	63.000	54.000	

B. ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP

Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải thương mại dịch vụ và giá đất thương mại dịch vụ xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định này;